



## Tài liệu minh họa Sản phẩm Bảo hiểm Bảo hiểm Tích lũy đến tuổi 75

Đại diện Kinh doanh :  
Mã số ĐKKD :  
Văn phòng KD :

<b>Người được Bảo hiểm 1</b>	NGUYỄN VĂN A	Tuổi	30	Ngày sinh	01/01/1987	Giới tính	Nam
CMND/Hộ chiếu số	012345678	Công việc cụ thể		Tư vấn tài chính		Nhóm NN	2
<b>Bên mua Bảo hiểm</b>	NGUYỄN VĂN A	Tuổi	30	Ngày sinh	01/01/1987	Giới tính	Nam
CMND/Hộ chiếu số	012345678	Công việc cụ thể		Tư vấn tài chính		Nhóm NN	2

Sản phẩm bảo hiểm	Mệnh giá Sản phẩm (VNĐ)	Thời hạn Đóng phí (năm)	Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm (năm)	Phí bảo hiểm hàng năm (VNĐ)
Bảo hiểm Tích lũy đến tuổi 75	500.000.000	15	45	17.625.000
Bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	500.000.000	15	15	1.425.000
Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng	200.000	15	15	284.000
Bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y	500.000.000	15	15	1.750.000
Bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y		15	15	773.400
<b>Tổng phí bảo hiểm</b>				<b>21.857.400</b>

Tổng Phí bảo hiểm theo kỳ (VNĐ):

Quý 6.120.000  Nửa năm 11.584.500  Năm 21.857.400

## Minh họa Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính

- **Quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được Bảo hiểm tử vong:**

Bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm.

- **Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn:**

100% Mệnh giá Sản phẩm.

- **Quyền lợi duy trì hợp đồng:**

Được chi trả khi Chubb Life chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được Bảo hiểm tử vong hoặc khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn.

- **Quyền lợi tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại:**

Khi Hợp đồng Bảo hiểm có Giá trị Hoàn lại, Bên mua Bảo hiểm có quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại của Hợp đồng Bảo hiểm.

## Minh họa Quyền lợi bảo hiểm của (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung

- 1) **Bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng:**

Nếu Người được Bảo hiểm bị chấn thương do tai nạn dẫn đến bị chấn thương nội tạng hay xương khớp, bông, tàn tật hoặc tử vong do Tai nạn, Số tiền Bảo hiểm được chi trả theo một tỷ lệ phần trăm của Mệnh giá Sản phẩm của sản phẩm này.

- 2) **Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng:**

Nếu Người được Bảo hiểm nằm viện làm Bệnh nhân nội trú tại Bệnh viện để điều trị Bệnh, Tồn thương hoặc trải qua quá trình Phẫu thuật, Chubb Life sẽ chi trả các quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ nằm viện, hỗ trợ điều trị tổn thương, hỗ trợ điều trị tại Khoa hồi sức tích cực, hỗ trợ phẫu thuật và hỗ trợ phẫu thuật đặc biệt theo quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm bổ sung.

- 3) **Bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y:**

Nếu Người được Bảo hiểm được Bác sĩ chẩn đoán mắc Bệnh Nan Y, Số tiền Bảo hiểm được chi trả bằng Mệnh giá của sản phẩm này nhân với tỷ lệ phần trăm được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm tùy thuộc vào tuổi của Người được Bảo hiểm tại thời điểm chẩn đoán xác định mắc Bệnh Nan Y.

- 4) **Bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y:**

Nếu Người được Bảo hiểm được Bác sĩ chẩn đoán mắc Bệnh Nan Y, Chubb Life sẽ miễn nghĩa vụ đóng phí còn lại của Hợp đồng Bảo hiểm kể từ ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp sau ngày chẩn đoán xác định mắc Bệnh Nan Y của Người được Bảo hiểm.

**Bảng minh họa Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm**

Đơn vị: nghìn Đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng Phí BH đóng trong năm (1)	Giá Trị Đảm Bảo		Giá trị minh họa theo lãi suất dự kiến công bố					
			QLBH của NDBH (2)	Giá Trị Hoàn lại	6 %/năm			8 %/năm		
					QL duy trì HĐ & QL đáo hạn	QLBH của NDBH (2)	Giá trị Hoàn lại	QL duy trì HĐ & QL đáo hạn	QLBH của NDBH (2)	Giá trị Hoàn lại
1	31	21.857	1.500.000	0	0	1.500.000	0	0	1.500.000	0
2	32	21.857	1.500.000	0	0	1.500.000	0	0	1.500.000	0
3	33	21.857	1.500.000	5.500	0	1.500.000	5.500	0	1.500.000	5.500
4	34	21.857	1.500.000	11.500	330	1.500.330	11.500	440	1.500.440	11.500
5	35	21.857	1.500.000	18.000	1.040	1.501.040	18.000	1.395	1.501.395	18.000
6	36	21.857	1.500.000	25.000	2.182	1.502.182	25.000	2.947	1.502.947	25.000
7	37	21.857	1.500.000	32.000	3.813	1.503.813	32.000	5.183	1.505.183	32.000
8	38	21.857	1.500.000	39.500	5.962	1.505.962	39.500	8.157	1.508.157	39.500
9	39	21.857	1.500.000	48.000	8.690	1.508.690	48.000	11.970	1.511.970	48.000
10	40	21.857	1.500.000	56.500	12.091	1.512.091	56.500	16.767	1.516.767	56.500
11	41	21.857	1.500.000	65.500	16.207	1.516.207	65.500	22.629	1.522.629	65.500
12	42	21.857	1.500.000	75.000	21.109	1.521.109	75.000	29.679	1.529.679	75.000
13	43	21.857	1.500.000	85.500	26.875	1.526.875	85.500	38.053	1.538.053	85.500
14	44	21.857	1.500.000	96.500	33.618	1.533.618	96.500	47.938	1.547.938	96.500
15	45	21.857	1.500.000	108.000	41.425	1.541.425	108.000	59.493	1.559.493	108.000
16	46	0	500.000	113.500	50.391	550.391	124.939	72.892	572.892	130.047
20	50	0	500.000	139.000	95.686	595.686	165.601	143.161	643.161	178.799
25	55	0	500.000	178.000	179.801	679.801	242.009	282.030	782.030	278.403
30	60	0	500.000	226.500	306.704	806.704	365.437	505.937	1.005.937	455.690
35	65	0	500.000	288.000	494.490	994.490	572.827	859.809	1.359.809	783.250
40	70	0	500.000	371.500	769.005	1.269.005	942.871	1.411.906	1.911.906	1.420.546
45	75	0	500.000	500.000	1.669.327	1.669.327	1.669.327	2.768.712	2.768.712	2.768.712

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng Phí BH đóng trong năm (1)	Giá Trị Đảm Bảo		Giá trị minh họa theo lãi suất dự kiến công bố				
					6 %/năm			8 %/năm	
			QLBH của NĐBH (2)	Giá Trị Hoàn lại	QL duy trì HĐ & QL đáo hạn	QLBH của NĐBH (2)	Giá trị Hoàn lại	QL duy trì HĐ & QL đáo hạn	QLBH của NĐBH (2)
<b>Tổng cộng</b>		<b>327.861</b>							

- (1) Tổng Phí bảo hiểm đóng trong năm đã bao gồm Phí bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính và (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có). Tỷ lệ Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có) có thể thay đổi tùy theo sự phê duyệt của Bộ Tài chính.
- (2) Quyền lợi Bảo hiểm được minh họa = 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm Bảo hiểm chính + Quyền lợi duy trì hợp đồng tích lũy (nếu có) + 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng (nếu có) + 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y (nếu có).  
Quyền lợi Bảo hiểm được minh họa không bao gồm Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng (nếu có) và Sản phẩm bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y (nếu có).

Ghi chú: Xin vui lòng xem thêm Hợp đồng Bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều kiện, điều khoản liên quan đến (các) quyền lợi trong Tài liệu minh họa này.

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- Bảng minh họa trình bày trên đây được áp dụng cho trường hợp điều kiện bảo hiểm chuẩn của Chubb Life.
- Phí bảo hiểm thực tế phụ thuộc vào quyết định thẩm định của Chubb Life.
- Các giá trị minh họa nêu trên được tính trên cơ sở cuối Năm hợp đồng, Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ theo định kỳ đóng phí và không có bất kỳ khoản tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại.
- Khi Hợp đồng Bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, không có bất kỳ quyền lợi nào được chi trả.
- Bên mua Bảo hiểm và Chubb Life đều có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực của sản phẩm Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có) bằng cách gửi thông báo yêu cầu chấm dứt bằng văn bản cho bên kia chậm nhất ba mươi (30) ngày trước Ngày đáo niên hàng năm.
- Tài liệu minh họa này không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- Tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm này chỉ cung cấp cho khách hàng các thông tin cơ bản về đặc tính sản phẩm.
- Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

\_\_\_\_\_

**Bên mua Bảo hiểm**

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

\_\_\_\_\_

**Chữ ký**

\_\_\_\_\_

**Ngày/tháng/năm**

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

\_\_\_\_\_

**ĐKKD/Người làm chứng**

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

\_\_\_\_\_

**Mã số ĐKKD**

\_\_\_\_\_

**Chữ ký**

\_\_\_\_\_

**Ngày/tháng/năm**